

Bản án số: 1233/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/11/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Tiên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ.

2. Bà Nguyễn Thị Năm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 611/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 124/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: 523/16B Tùng Thiện Vương, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Ông Mai Công H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 629/7 Tùng Thiện Vương, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú tại: 523/16B Tùng Thiện Vương, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T trình bày:

Bà T và ông Mai Công H chung sống với nhau từ năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016 do chồng thường xuyên đánh đập, hăm dọa giết Bà T, ông H hay ghen tuông vô cớ. Vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể duy trì cuộc hôn nhân nên Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Mai Công H.

- Về nuôi con chung: Bà Trần Thị Tuyết T xác định vợ chồng có 01 (một) con chung tên Mai Công H, sinh ngày 28/4/2007 hiện đang sinh sống cùng ông Mai Công H tại địa chỉ 523/16B Tùng Thiện Vương, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài ra không còn con chung nào khác. Bà T đồng ý giao một con chung cho ông Mai Công H trực tiếp nuôi dưỡng, Bà T không cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 15/7/2019, ông Mai Công H trình bày: Ông H và bà Trần Thị Tuyết T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì cả, vợ tôi thường xuyên ghen tuông vô cớ, tôi có dọa đánh một lần nhưng chưa bao giờ đánh vợ. Đến tháng 7/2018 Bà T thường xuyên bỏ nhà đi, tôi đã nhiều lần năn nỉ nhưng Bà T không chịu quay về nhà. Nay tôi vẫn còn thương vợ thương con, có nguyện vọng được hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, tôi không đồng ý ly hôn với Bà T. Vợ chồng có 01 (một) con chung tên là Mai Công H, sinh ngày 28/4/2007 hiện đang sinh sống cùng ông Mai Công H tại địa chỉ 523/16B Tùng Thiện Vương, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài ra không còn con chung nào khác. Nếu Tòa án giải quyết cho Bà T được ly hôn thì tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn ông Mai Công H đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không hòa giải được.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn ông Mai Công H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử theo quy định pháp luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt Bà T.

Bị đơn ông Mai Công H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Công H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Do vậy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tuyết T thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Mai Công H hiện cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Trần Thị Tuyết T và ông Mai Công H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 18/01/2006) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T cho rằng: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016 do chồng thường xuyên đánh đập, hăm dọa giết Bà T, ông H hay ghen tuông vô cớ. Vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không

còn nữa, không thể duy trì cuộc hôn nhân nên Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Mai Công H.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 15/7/2019, ông Mai Công H trình bày: Ông H và bà Trần Thị Tuyết T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì cả, vợ tôi thường xuyên ghen tuông vô cớ, tôi có dọa đánh một lần nhưng chưa bao giờ đánh vợ. Đến tháng 7/2018 Bà T thường xuyên bỏ nhà đi, tôi đã nhiều lần năn nỉ nhưng Bà T không chịu quay về nhà. Nay tôi vẫn còn thương vợ thương con, có nguyện vọng được hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Mai Công H không đến Tòa để tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông H vẫn vắng mặt mà không có lý do và không đưa ra được biện pháp hàn gắn gia đình. Điều này thể hiện ông H đã từ bỏ quyền lợi của mình, không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

Về nuôi con chung: Bà Trần Thị Tuyết T và ông Mai Công H xác định vợ chồng có 01 (một) con chung tên là Mai Công H, sinh ngày 28/4/2007 hiện đang sinh sống cùng ông Mai Công H tại địa chỉ 523/16B Tùng Thiện Vương, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, vợ chồng không có con chung nào khác. Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con. Bà T đồng ý giao một con chung cho ông Mai Công H trực tiếp nuôi dưỡng, Bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con trẻ, trẻ Mai Công H, sinh ngày 28/4/2007 hiện đang sinh sống cùng ông Mai Công H tại địa chỉ 523/16B Tùng Thiện Vương, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bản tự khai ngày 15/7/2019 trẻ Mai Công H có nguyện vọng được sống với ba là ông Mai Công H. Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, Bà T đồng ý giao một con chung cho ông Mai Công H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị Tuyết T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Ông H không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết T và ông Mai Công H xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T về việc xin ly hôn với ông Mai Công H.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết T được ly hôn với ông Mai Công H (theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 của Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/01/2006).

- Về nuôi con chung: Giao 01 (một) con chung tên là Mai Công H, sinh ngày 28/4/2007 cho ông Mai Công H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với bà Trần Thị Tuyết T cho đến khi ông H có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thị Tuyết T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0019763 ngày 04/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 12, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Tiên